BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

AGROINFO

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê Robusta kỳ hạn T05/2023 tăng 5,92% so với tuần trước đạt mức bình quân 2.414 USD/tấn.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2023 tăng 7,68% so với tuần trước đạt mức bình quân 4.201 USD/tấn.
- Theo Nasdaq, nông dân trồng cà phê tại Brazil được hưởng lợi từ việc giá nhập khẩu phân bón giảm.
- Theo ICO, sản lượng tiêu thụ cà phê toàn cầu sẽ thâm hụt 7,3 triệu bao trong niên vụ 2022-2023.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

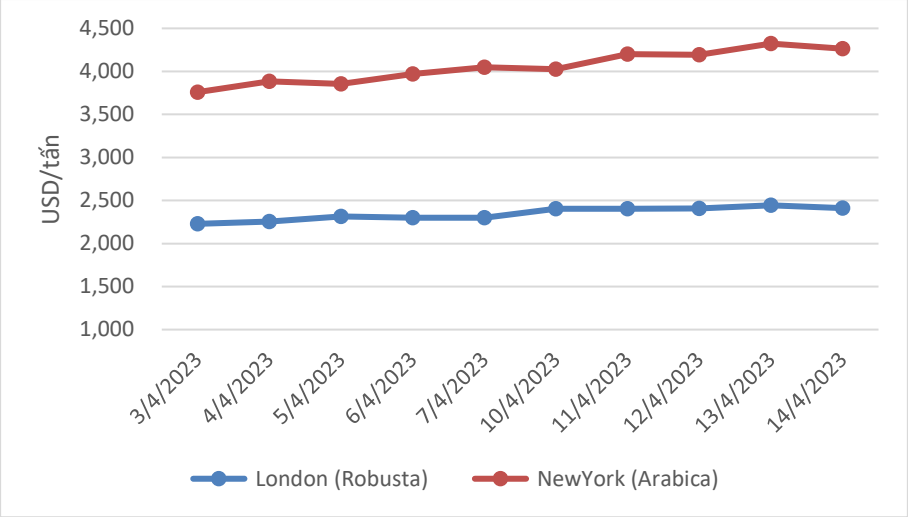

Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 05/2023 diễn biến tăng mạnh trong tuần. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.414 USD/tấn, tăng 5,92% so với tuần trước, và 15,2% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.444 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.403 USD/tấn. [1]

Thị trường New York kỳ hạn tháng 5/2023 diễn biến tiếp tục đà tăng mạnh so với tuần trước. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 4.201 USD/tấn, tăng 7,68% so với mức giá tuần trước nhưng giảm 17% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.323 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 4.062 USD/tấn.[1]

Theo Nasdaq, nông dân trồng cà phê tại Brazil được hưởng lợi từ việc giá nhập khẩu phân bón giảm sau khi lệnh trừng phạt đối với các nhà sản xuất lớn là Nga và Belarus vào năm 2022 làm dấy lên lo ngại về sự thiếu hụt nguồn cung toàn cầu. Theo dữ liệu từ công ty tư vấn kinh doanh nông nghiệp Agrinvest, đối với cà phê arabica của Brazil, chỉ cần tương đương 1,8 bao cà phê để mua một tấn phân urê, tỷ lệ thấp nhất trong 8 năm trở lại đây. Các nhà phân tích cho biết, những người trồng các mặt hàng chủ lực của Brazil như cà phê và đậu tương đã tăng sức mua đối với các nguyên liệu đầu vào như urê và hỗn hợp phân bón NPK. [2]

Trong báo cáo tháng 3, Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) sản lượng tiêu thụ cà phê toàn cầu sẽ giảm trong niên vụ 2022-23. Sau niên vụ 2020-2021 với mức tăng trưởng khiêm tốn 0,6%, tiêu thụ cà phê toàn cầu đã tăng đáng kể 4,2% trong niên vụ 2021-2022 lên mức 175,6 triệu bao. Nhu cầu tiêu dùng được thúc đẩy bởi sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế thế giới cùng với nhu cầu bị dồn nén trong những năm đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, dự kiến trong niên vụ 2022-2023, tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm tốc cùng với lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ cà phê thế giới. Do đó, ICO dự báo tăng trưởng tiêu thụ cà phê toàn cầu sẽ chậm lại trong niên vụ 2022-2023, với mức tăng 1,7% lên 178,5 triệu bao. Trong đó, tiêu thụ cà phê của châu Âu được dự báo chỉ tăng 0,1% trong niên vụ 2022-2023 sau khi tăng 6% trong niên vụ trước. Mặc dù vậy, thị trường cà phê toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục thâm hụt trong năm thứ hai liên tiếp, với mức thâm hụt 7,3 triệu bao trong niên vụ 2022-2023.[3]

Theo số liệu của ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu giảm tới 18% trong tháng 2 xuống còn 8,9 triệu bao (loại 60 kg/bao). Lũy kế trong 5 tháng đầu niên vụ 2022-2023 (từ tháng 10/2022 đến tháng 2/2023), xuất khẩu cà phê toàn cầu chỉ đạt 48,6 triệu bao, giảm 8,7% so với cùng kỳ niên vụ trước. Trong đó, xuất khẩu cà phê nhân xanh đạt 7,9 triệu bao trong tháng 2, giảm 20,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu niên vụ hiện tại, xuất khẩu cà phê nhân xanh toàn cầu đã giảm 8,5% (tương ứng hơn 4 triệu bao) xuống mức 43,8 triệu bao. Sự sụt giảm được ghi nhận ở hầu hết nhóm cà phê nhân, với arabica Brazil giảm 33% trong tháng 2 xuống 2,3 triệu bao. Từ tháng 10 năm ngoái đến tháng 2 năm nay, xuất khẩu cà phê arabica Brazil đã giảm 7% so với niên vụ trước, chỉ đạt 15,4 triệu bao. Xuất khẩu nhóm cà phê arabica Colombia cũng giảm 6,8% trong tháng 2 và giảm 14,1% trong 5 tháng đầu niên vụ hiện tại, xuống còn 4,7 triệu bao. Xuất khẩu các lô hàng arabica khác giảm 16% trong tháng 2 và đánh dấu sự sụt giảm trong tháng thứ 5 liên tiếp kể từ đầu niên vụ mới. Do đó, khối lượng xuất khẩu lũy kế của nhóm cà phê này trong 5 tháng đầu niên vụ hiện tại đã giảm 18,5% xuống 6,7 triệu bao.

Không nằm ngoài xu hướng chung, xuất khẩu cà phê robusta đạt 2,9 triệu bao trong tháng 2, giảm 13,7% so với cùng kỳ. Lũy kế 5 tháng đầu niên vụ 2022-2023, xuất khẩu cà phê robusta đạt 16,9 triệu bao, giảm 13,6% so với cùng kỳ niên vụ trước.[3]

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng so với tuần trước. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 50.373 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 50.020 VNĐ/kg.
- Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tháng 3 xuất khẩu cà phê của nước ta đạt 210.372 tấn, trị giá 482,4 triệu USD, tăng 5,2% về lượng và tăng 11% về trị giá so với tháng trước.
- Ngày 13/4, triển lãm Quốc tế Café show Việt Nam 2023 đã chính thức khai mạc tại TP.HCM.
- Trong tuần đầu tiên của tháng 4, diện tích cây cà phê nhiễm bệnh khô cành là 9.089 ha, bệnh gỉ sắt là 7.261 ha.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

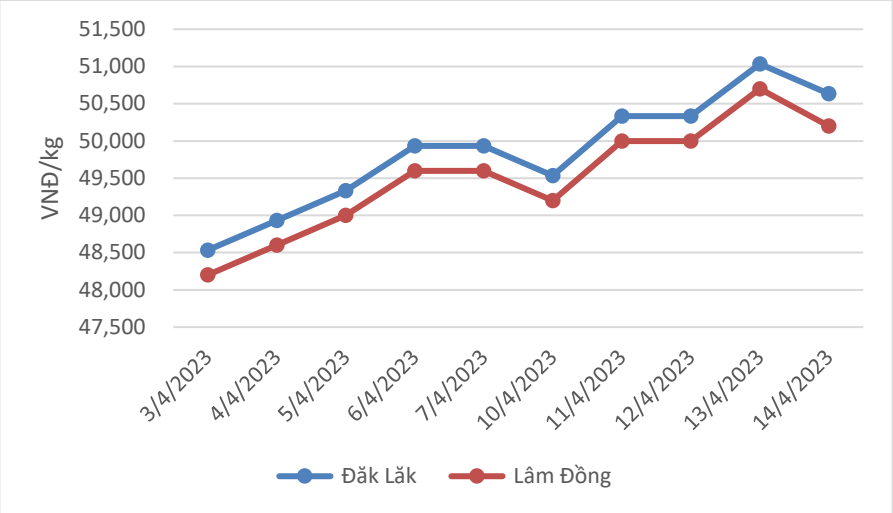

Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tiếp tục tăng với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 50.373 VNĐ/kg, tăng 2,11% so với tuần trước và tăng 22,40% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 2,08% so với tuần trước, lên mức bình quân 50.020 VNĐ/kg, và tăng 23,14% so với cùng kỳ năm 2022. [4]

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tháng 3 xuất khẩu cà phê của nước ta đạt 210.372 tấn, trị giá 482,4 triệu USD, tăng 5,2% về lượng và tăng 11% về trị giá so với tháng trước, đồng thời so với cùng kỳ giảm 0,1% về lượng nhưng tăng 1,8% về trị giá. Tuy nhiên, tính đến hết Quý I năm nay xuất khẩu cà phê của nước ta đã giảm 5% về lượng và giảm 5,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 552.613 tấn, trị giá 1,2 tỷ USD. Nguyên nhân dẫn đến giảm lượng xuất khẩu là doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc mua hàng. Mặc dù, việc thu hoạch đã hoàn tất nhưng người dân vẫn giữ hàng không bán ra, đợi đến khi giá tăng cao, dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thu mua. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp đang đối mặt với nhiều khó khăn về nguồn vốn do lãi suất cao và biến động tỷ giá. Điều này dẫn đến việc nguồn tài chính của các doanh nghiệp năm nay không dồi dào như mọi năm, từ đó kéo theo mức tồn kho hang hóa ở mức thấp. Ngoài ra, giá nội địa hiện vẫn ổn định ở mức cao, vì vậy các doanh nghiệp xuất khẩu không dám ký hợp đồng giao xa vì lo sợ không thể cân bằng được giá nội địa và giá xuất khẩu.[5]

Ngày 13/4, triển lãm Quốc tế Café show Việt Nam 2023 đã chính thức khai mạc tại TP.HCM với sự tham gia của 400 đơn vị trong và ngoài nước. Sự kiện này là một trong những Triển lãm thường niên của chuỗi Triển lãm Café show được tổ chức ở các thành phố như Seoul, Shanghai, Pháp và Việt Nam. Triển lãm này do Công ty Exporum Việt Nam tổ chức, với sự bảo trợ của Hiệp Hội Cà phê – Ca cao Việt Nam,

Hội cà phê Buôn Ma Thuột, các cơ quan xúc tiến thương mại các nước tại Việt Nam và các cơ quan/đơn vị chuyên môn khác. Sự kiện này cung cấp cơ hội cho các nhà quản lý và các chuyên gia hàng đầu trong ngành cà phê, trà, thực phẩm đồ uống nói chung và ngành công nghiệp thực phẩm và đồ uống cho các nhà hàng, khách sạn và các đơn vị kinh doanh dịch vụ ăn uống khác để gặp gỡ, chia sẻ các định hướng, chiến lược, giải pháp và công cụ quản lý thực tiễn trong ngành sản xuất, chế biến và quản lý phân phối các chuỗi – quán cà phê. Sự kiện này nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp đồ uống Việt Nam, đưa nó vươn lên tầm cao mới.[6]

Theo Cục Bảo vệ thực vật – Bộ Nông nghiệp và PTNT, trong tuần đầu tiên của tháng 4, diện tích cây nhiễm bệnh khô cành là 9.089 ha, giảm 79 ha so với tuần trước nhưng tang 1.100 ha so với cùng kỳ năm trước (phân bố chủ yếu tại các tỉnh Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai và Bình Phước…). Đối với bệnh gỉ sắt, diện tích nhiễm bệnh là 7.261 ha, giảm 376 ha so với tuần trước và 1.341 ha so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích nhiễm nặng 21 ha, diện tích được phòng trừ trong kỳ 13.347 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước…

Dự báo, trong thời gian sắp tới, dịch hại có thể xuất hiện trên cây cà phê bao gồm rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành, khô quả, mọt đục quả, bệnh thán thư và bệnh gỉ sắt. Bên cạnh đó, Bọ xít muỗi vẫn tiếp tục gây hại trên cây Cà phê chè ở Lâm Đồng và bọ cánh cứng cũng đang gây hại trên cây Cà phê ở giai đoạn kiến thiết cơ bản ở Kon Tum và Đắk Lắk. [7]

Theo Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông, cà phê là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh. Tính hết tháng 3/2023, Đắk Nông có hơn 139.000ha cà phê, năng suất bình quân đạt 2,8 tấn/ha, sản lượng hơn 350.000 tấn, sản lượng xuất khẩu đạt khoảng 120.000 tấn, với kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 215 triệu USD/năm. Về thị trường xuất khẩu, sản phẩm cà phê của Đắk Nông đã xuất khẩu đến hơn 20 quốc gia như Singapore, Nhật Bản, Mỹ, Nga, Úc… Để đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm, tỉnh đã hình thành vùng cà phê rộng 23.000ha sản xuất theo các tiêu chuẩn, sản lượng đạt 82.000 tấn/năm. Bên cạnh đó, nông dân ở Đắk Nông đã mạnh dạn liên kết, thay đổi phương pháp canh tác theo các tiêu chuẩn để tạo ra sản phẩm chất lượng cao, hướng tới thị trường xuất khẩu khó tính.[8]

Nguồn tham khảo:

1. https://www.investing.com/
2. https://www.reuters.com/article/brazil-fertilizer-idINL1N36D172
3. https://www.icocoffee.org/documents/cy2022-23/cmr-0323-e.pdf
4. Cộng tác viên cà phê tại Tây Nguyên
5. https://vietnambiz.vn/vi-sao-xuat-khau-ca-phe-giam-trong-quy-dau-nam-202341201530702.htm
6. https://nongnghiep.vn/khai-mac-trien-lam-quoc-te-cafe-show-viet-nam-2023-d348372.html
7. https://www.ppd.gov.vn/bao-ve-thuc-vat/du-bao-tinh-hinh-dich-hai-tuan-01-thang-04-nam-2022.html
8. https://congthuong.vn/diem-sang-xuat-khau-nong-san-dak-nong-250402.html

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	**49.200**	**50.000**	**50.000**	**50.700**	**50.200**	**50.020**	**1020**
Di Linh	49.200	50.000	50.000	50.700	50.200	50.020	1020
Lâm Hà	49.200	50.000	50.000	50.700	50.200	50.020	1020
Bảo Lộc	49.200	50.000	50.000	50.700	50.200	50.020	1020
ĐẮK LẮK	**49.533**	**50.333**	**50.333**	**51.033**	**50.633**	**50.373**	**1040**
Cư M'gar	49.600	50.400	50.400	51.100	50.700	50.440	1040
Ea H'leo	49.500	50.300	50.300	51.000	50.600	50.340	1040
Buôn Hồ	49.500	50.300	50.300	51.000	50.600	50.340	1040
ĐẮK NÔNG	**49.450**	**50.250**	**50.250**	**50.950**	**50.550**	**50.290**	**1040**
Gia Nghĩa	49.500	50.300	50.300	51.000	50.600	50.340	1040
Đắk R'lấp	49.400	50.200	50.200	50.900	50.500	50.240	1040
GIA LAI	**49.433**	**50.233**	**50.233**	**50.933**	**50.533**	**50.273**	**1040**
Chư Prông	49.500	50.300	50.300	51.000	50.600	50.340	1040
Pleiku	49.400	50.200	50.200	50.900	50.500	50.240	1040
La Grai	49.400	50.200	50.200	50.900	50.500	50.240	1040
KON TUM	**49.500**	**50.300**	**50.300**	**51.000**	**50.600**	**50.340**	**1040**
Đắk Hà	49.500	50.300	50.300	51.000	50.600	50.340	1040

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi AGROINFO

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn